



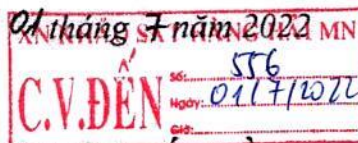
Ký bởi: Tổng Công Ty
Bảo Đảm An Toàn Hàng
Hải Miền Nam
Ký ngày: 01.07.2022
10:28:11

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149/TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 01 tháng 7 năm 2022 MN



THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của khu nước trước bến, vùng quay tàu và tuyến luồng
vào cảng Tân cảng Giao Long

BTE - 05 - 2022

Vùng biển: Tỉnh Bến Tre.

Tên luồng: Luồng hàng hải chuyên dùng vào cảng Tân cảng Giao Long.

Căn cứ Đơn đề nghị số 006/ TCGL-ĐĐN/2022 ngày 27/6/2022 của Công ty cổ phần Tân cảng Giao Long về việc đề nghị công bố thông báo hàng khu nước trước bến, vùng quay tàu và tuyến luồng vào cảng Tân cảng Giao Long; kèm theo bình đồ độ sâu ký hiệu TCGL_2206_01, TCGL_2206_02, tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 6 năm 2022.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của khu nước trước bến, vùng quay tàu và tuyến luồng vào cảng Tân cảng Giao Long như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước cầu cảng 3.000 DWT, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
K-1'	10°18'41,1"N	106°25'40,9"E	10°18'37,4"N	106°25'47,4"E
K-2	10°18'42,2"N	106°25'41,7"E	10°18'38,6"N	106°25'48,2"E
K-2'	10°18'43,3"N	106°25'40,0"E	10°18'39,6"N	106°25'46,5"E
T-1'	10°18'42,0"N	106°25'39,3"E	10°18'38,4"N	106°25'45,7"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" như sau:

+ Xuất hiện các điểm có độ sâu 4,5 m; 4,7 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
4,5	10°18'42,0"N	106°25'40,0"E	10°18'38,3"N	106°25'46,4"E
4,7	10°18'41,7"N	106°25'39,9"E	10°18'38,0"N	106°25'46,4"E

Ngoài các điểm có độ sâu nêu trên, độ sâu khu nước này đạt 4,9 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước cầu cảng sà lan 500T, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
M-2	10°18'41,8"N	106°25'39,1"E	10°18'38,1"N	106°25'45,6"E
T-1'	10°18'42,0"N	106°25'39,3"E	10°18'38,4"N	106°25'45,7"E
K-2'	10°18'43,3"N	106°25'40,0"E	10°18'39,6"N	106°25'46,5"E
K-6'	10°18'44,3"N	106°25'38,4"E	10°18'40,6"N	106°25'44,8"E
M-3	10°18'42,8"N	106°25'37,4"E	10°18'39,1"N	106°25'43,9"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 1,2 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến sà lan nhỏ hơn 500T, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
GL-1'	10°18'44,7"N	106°25'34,4"E	10°18'41,0"N	106°25'40,8"E
M-3	10°18'42,8"N	106°25'37,4"E	10°18'39,1"N	106°25'43,9"E
K-6'	10°18'44,3"N	106°25'38,4"E	10°18'40,6"N	106°25'44,8"E
K-6	10°18'46,2"N	106°25'35,3"E	10°18'42,5"N	106°25'41,7"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt - 0,5 m (cao hơn mực nước số “0” Hải đồ).

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước kết nối ra luồng chuyên dùng, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
K-2	10°18'42,2"N	106°25'41,7"E	10°18'38,6"N	106°25'48,2"E
K-3	10°18'42,4"N	106°25'43,1"E	10°18'38,7"N	106°25'49,5"E
K-4	10°18'44,4"N	106°25'39,4"E	10°18'40,7"N	106°25'45,8"E
K-5	10°18'48,5"N	106°25'39,9"E	10°18'44,9"N	106°25'46,4"E
K-6	10°18'46,2"N	106°25'35,3"E	10°18'42,5"N	106°25'41,7"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

+ Xuất hiện các điểm có độ sâu 4,5 m; 4,6 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
4,5	10°18'46,1"N	106°25'35,7"E	10°18'42,5"N	106°25'42,1"E

4,6	10°18'46,0"N	106°25'35,6"E	10°18'42,4"N	106°25'42,0"E
-----	--------------	---------------	--------------	---------------

Ngoài các điểm có độ sâu nêu trên, độ sâu khu nước này đạt 4,8 m.

5. Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải chuyên dùng rộng 70m, tọa độ tìm tuyến luồng vào cảng được xác định bởi các điểm có tọa độ:

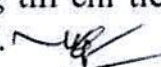
Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
TL-1	10°18'56,0"N	106°26'15,5"E	10°18'52,3"N	106°26'21,9"E
TL-2	10°18'57,8"N	106°26'08,3"E	10°18'54,2"N	106°26'14,8"E
TL-3	10°18'57,5"N	106°26'05,0"E	10°18'53,8"N	106°26'11,4"E
TL-4	10°18'56,0"N	106°26'01,1"E	10°18'52,4"N	106°26'07,6"E
TL-5	10°18'48,8"N	106°25'47,9"E	10°18'45,1"N	106°25'54,3"E
TL-5'	10°18'47,7"N	106°25'45,8"E	10°18'44,0"N	106°25'52,2"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 4,8 m.

6. Trong phạm vi khảo sát vũng quay tàu được giới hạn bởi đường tròn đường kính D=220 m, tâm VQ tại vị trí có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
VQ	10°18'45,9"N	106°25'42,6"E	10°18'42,3"N	106°25'49,1"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 4,8 m.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty cổ phần Tân cảng Giao Long ⁽¹⁾./. 

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Tp.Hồ Chí Minh;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH^{Nhiên}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Thái Công

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo:

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Chi Cục đường sông phía Nam
- 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (Dong Do MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Bộ đội biên phòng thành phố Hồ Chí Minh
- 13 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 17 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 20 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 23 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 24 XN Khảo sát hàng hải miền Nam
- 25 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 26 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 27 CN1 – Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 28 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng
- 29 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I
- 30 Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng
- 31 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu
- 32 Sở GTVT & Sở NN&PTNN Tỉnh Tiền Giang
- 33 Công ty cổ phần Tân cảng Giao Long

2CT
AM
HAI
1
AVUP

